**Hoạt động nghiệp vụ:**

* ***Đặt vé:*** Khách hàng cần có khả năng đặt vé xem phim thông qua quầy bán vé. Quá trình đặt vé bao gồm:
  + Chọn phim.
  + Chọn lịch chiếu.
  + Lựa chọn loại vé (ví dụ: vé người lớn, vé trẻ em).
  + Xác định số lượng vé.
  + Chọn ghế ngồi (nếu hệ thống cho phép).
* ***Thanh toán:*** Bao gồm các phương thức thanh toán như tiền mặt, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc ví điện tử.
* ***In vé:*** Sau khi đặt vé và thanh toán thành công, vé xem phim cần được in ra và cung cấp cho khách hàng.
* ***Đặt combo, đồ ăn vặt, đồ uống:*** Khách hàng có khả năng chọn theo mong muốn cá nhân

**Công thức tính toán:**

* ***Tính toán tổng hóa đơn:*** Hệ thống cần tính toán tổng giá vé dựa trên số lượng vé và giá vé cho mỗi loại vé được chọn bởi khách hàng, doanh thu từ các loại phí dịch vụ.(đồ ăn, đồ uống,..)

**Quy tắc quản lý:**

* ***Quản lý thông tin vé:*** Hệ thống phải có khả năng lưu trữ và quản lý thông tin về các vé đã được đặt, bao gồm thông tin về phim, lịch chiếu, số lượng vé, loại vé, giá vé và thông tin cá nhân của khách hàng (KH là thành viên).
* ***Quản lý doanh thu trong ngày:*** Hệ thống cần theo dõi doanh thu từ việc bán vé xem phim, bao gồm số lượng vé đã được bán, tổng doanh thu và các báo cáo liên quan.
* ***Quản lý khách hàng:*** Đăng ký thành viên
  + Đổi điểm: Từ 10 điểm trở lên mới được đổi

1 điểm -> 1% hóa đơn

* + Tích điểm: 100.000đ = 1 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Chọn đồ ăn vặt |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mục đích | Hệ thống lưu yêu cầu |
| Mức độ ưu tiên | Khá cần thiết |
| Điều kiện kích hoạt | Khách hàng vào khu vực bán vé và chọn mua đồ ăn vặt |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Điều kiện thành công | Khách hàng chọn đồ ăn vặt thành công và hệ thống lưu yêu cầu |
| Điều kiện thất bại | Khách hàng không chọn được đồ ăn vặt hoặc hệ thống không lưu được yêu cầu |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các loại đồ ăn vặt có sẵn. 2. Khách hàng chọn loại đồ ăn vặt mong muốn. 3. Hệ thống hiển thị số lượng đồ ăn vặt mặc định. 4. Khách hàng có thể thay đổi số lượng đồ ăn vặt. 5. Khách hàng xác nhận chọn đồ ăn vặt. 6. Hệ thống lưu yêu cầu và hiển thị thông tin thanh toán. 7. Khách hàng thanh toán |
| Luồng sự kiện thay thế | * Khách hàng có thể chọn mua combo đồ ăn vặt và đồ uống có sẵn mà không cần mua riêng lẻ. * Hệ thống có thể đề xuất đồ ăn vặt phù hợp với khách hàng dựa trên lịch sử mua hàng hoặc sở thích cá nhân |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | * Hệ thống không có loại đồ ăn vặt nào phù hợp với nhu cầu của khách hàng. * Hệ thống gặp lỗi và không thể lưu yêu cầu của khách hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Chọn đồ uống |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mục đích | Hệ thống lưu yêu cầu |
| Mức độ ưu tiên | Khá cần thiết |
| Điều kiện kích hoạt | Khách hàng vào khu vực bán vé và chọn mua đồ uống |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Điều kiện thành công | Khách hàng chọn đồ uống thành công và hệ thống lưu yêu cầu |
| Điều kiện thất bại | Khách hàng không chọn được đồ uống hoặc hệ thống không lưu được yêu cầu |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các loại đồ uống có sẵn. 2. Khách hàng chọn loại đồ uống mong muốn. 3. Hệ thống hiển thị số lượng đồ uống mặc định. 4. Khách hàng có thể thay đổi số lượng đồ uống. 5. Khách hàng xác nhận chọn đồ uống. 6. Hệ thống lưu yêu cầu và hiển thị thông tin thanh toán. 7. Khách hàng thanh toán. |
| Luồng sự kiện thay thế | * Khách hàng có thể chọn mua combo đồ uống và đồ ăn vặt có sẵn mà không cần mua riêng lẻ. * Hệ thống có thể đề xuất đồ uống phù hợp với khách hàng dựa trên lịch sử mua hàng hoặc sở thích cá nhân |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | * Hệ thống không có loại đồ uống nào phù hợp với nhu cầu của khách hàng. * Hệ thống gặp lỗi và không thể lưu yêu cầu của khách hàng. |